

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23-01-2025

V/v ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Tấn Dũng.
- Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 289/2024/QĐXX-ST ngày 17 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1989 (Lê Thanh H, sinh năm 1990); Nơi cư trú: Khóm T1, thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1993; Nơi cư trú: Khóm T1, thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 10 năm 2024 và biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 12 năm 2024 của nguyên đơn anh Lê Thanh H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T cưới nhau năm 2011, trước khi cưới cả hai không có tìm hiểu mà do mai mối. Cả hai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP2, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới cả hai về sống chung với gia đình anh. Thời gian

đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, đến tháng 7 năm 2021 thì hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về chuyện tình cảm, không có tiếng nói chung, sống chung không hạnh phúc, chị T tự ý bỏ đi và từ đó cả hai không còn sống chung với nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn được nữa, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị T. Về con chung, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung Lê Thị Thanh N, sinh ngày 29 tháng 4 năm 2012, Lê Thị Thảo M, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2015 và Lê Văn H1, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2020, không yêu cầu chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống anh với chị Nguyễn Thị T không có tài sản chung cũng như không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Nguyễn Thị T đã được Toà án triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Lê Thanh H được ly hôn với chị Nguyễn Thị T; về nuôi con chung: Giao 03 con chung Lê Thị Thanh N, sinh ngày 29 tháng 4 năm 2012, Lê Thị Thảo M, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2015 và Lê Văn H1, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2020, cho anh Lê Thanh H tiếp tục nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Lê Thanh H không có yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Thanh H trình bày không có, còn chị Nguyễn Thị T không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn anh Lê Thanh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Lê Thanh H và chị Nguyễn Thị T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của anh Lê Thanh H đối với chị Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của anh Lê Thanh H thì cuộc sống của chị và chị Nguyễn Thị T không còn hạnh

phúc từ tháng 7 năm 2021 do hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về chuyện tình cảm, không có tiếng nói chung, sống chung không hạnh phúc, chị T tự ý bỏ đi và từ đó cả hai không còn sống chung với nhau nữa. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của anh H và chị T hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của anh H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho anh Lê Thanh H ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

[4] Về việc nuôi con chung: Anh Lê Thanh H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng 03 con chung Lê Thị Thanh N, sinh ngày 29 tháng 4 năm 2012, Lê Thị Thảo M, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2015 và Lê Văn H1, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2020, không yêu cầu chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi anh H và chị T không còn sống chung và hiện nay thì 03 con chung do anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh H không có yêu cầu và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Thanh H cho rằng không có, nên không yêu cầu giải quyết, còn chị Nguyễn Thị T không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Thanh H, cho ly hôn giữa anh Lê Thanh H và chị Nguyễn Thị T.

2. Về việc nuôi con chung:

2.1. Anh Lê Thanh H được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng 03 con chung Lê Thị Thanh N, sinh ngày 29 tháng 4 năm 2012, Lê Thị Thảo M, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2015 và Lê Văn H1, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2020.

2.2. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Lê Thanh H chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014436 ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND X.TP2, H.HN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lương Bằng